

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2024

V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam và bà Phan Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 646/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Cẩm T, sinh năm: 1992; Địa chỉ liên hệ: số C, tổ C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0846.240.810 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: số A, tỉnh lộ 943, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0974.241.718 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đoàn Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Cẩm T và ông Trần Thanh T1 tự nguyện quen biết tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 13/8/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi, ông T1 nhiều lần chửi mắng, xúc phạm bà T và gia đình bà T, vợ chồng sống ly thân từ

tháng 5/2024 đến nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày 24/9/2012 và Trần Huy H, sinh ngày: 06/12/2018. Hiện 02 con chung đang sống cùng ông T1, sau khi ly hôn bà T yêu cầu giao 02 con chung cho ông T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông T1 yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi 02 con chung thì bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Thảo V và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con; giao cháu H cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của ông T1 về việc buộc bà trả số tiền 42.000.000 đồng là không có căn cứ vì số tiền này ông T1 đưa cho bà nhiều lần dùng để chi phí sinh hoạt trong gia đình và lo cho các con học tập, bà T không sử dụng vào việc cá nhân nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T1.

Tại bản tường trình ngày 20/8/2024 và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Thanh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T1 thống nhất nội dung trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, về thời điểm kết hôn. Việc bà T trình bày cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc là không chính xác vì từ trước đến nay vợ chồng vẫn sống vui vẻ, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ các con có một gia đình hạnh phúc, có đầy đủ cả cha mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày 24/9/2012 và Trần Huy H, sinh ngày: 06/12/2018. Sau khi ly hôn, ông T1 yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc 02 con chung và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Trần Thanh T1 yêu cầu bà Đoàn Thị Cẩm T trả số tiền 42.000.000 đồng là chi phí sinh hoạt ông T1 đưa cho bà T để chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đoàn Thị Cẩm T và ông Trần Thanh T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông **Trần Thanh T1** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xã M, thành phố L** nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **T** và ông **T1** quen biết nhau, có thời gian yêu thương, tìm hiểu và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà **T** cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông **T1** thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà **T** và gia đình bà **T** nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Riêng, ông **T1** cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ trong sinh hoạt gia đình nhưng không trầm trọng đến mức ly hôn, ông **T1** yêu cầu được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà **T**, cùng nhau chăm sóc cho con cái.

Xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa bà **T** và ông **T1** có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng bà **T** vẫn cương quyết ly hôn, đồng thời ông **T1** cũng không đưa ra bất kỳ giải pháp hay phương thức nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, cả bà **T** và ông **T1** đều thừa nhận quá trình sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay, điều này cho thấy vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, mỗi người chỉ biết bản thân người đó, bỏ mặc người vợ, người chồng muốn sống ra sao thì sống; ngoài ra, theo bà **T** thì ông **T1** thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, đe dọa bà **T** cùng gia đình bà điều này cho thấy ông **T1** không còn thương yêu và tôn trọng bà **T**. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của bà **T**, ông **T1** không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu đoàn tụ thì cuộc sống hôn nhân cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà **T** yêu cầu xin ly hôn đối với ông **T1**.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên **Trần Ngọc Thảo V**, sinh ngày 24/9/2012 và **Trần Huy H**, sinh ngày: 06/12/2018. Hiện 02 cháu đang sống với ông **T1**, sau khi ly hôn bà **T** đồng ý giao 02 con chung cho ông **T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, trong thời gian bà T và ông T1 sống ly thân thì hai cháu V và H đều do ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, đồng thời, cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng ông T1. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như thay đổi điều kiện môi trường sống đột ngột và đảm bảo cuộc sống ổn định cho hai cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày 24/9/2012 và Trần Huy H, sinh ngày: 06/12/2018 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông T1 khai nhận chi phí sinh hoạt, học tập hàng tháng của 02 con chung khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì “...mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con” và Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu của thành phố L thuộc vùng II là 4.410.000 đồng/tháng. Hiện nay, công việc và thu nhập của bà T chưa ổn định, tiền lương 3.000.000 đồng/tháng cũng thường xuyên (theo đơn xác nhận ngày 30/8/2024 của Công ty cổ phần X – Xi nghiệp Đ). Tuy nhiên, trách nhiệm làm cha mẹ là nghĩa vụ chung của hai vợ chồng, do đó để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, phát triển và học tập bình thường của 02 con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của ông T1, buộc bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu V và H đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T trình bày không có; riêng ông T1 yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 42.000.000 đồng nhưng lại không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với biên nhận ngày 31/12/2022 do ông T1 cung cấp với nội dung “tôi tên La Thành T2. Tôi có nhận của anh T1 60.000.000 đồng. Tôi xin hứa sẽ không cho anh T1 mượn nữa, nếu không tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật” nhưng không có chữ ký, chữ viết của bà Đoàn Thị Cẩm T và cũng không được bà T thừa

nhận, đồng thời ông **La Thành T2** cũng không có ý kiến và yêu cầu độc lập nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà **Đoàn Thị Cẩm T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị Cẩm T** đối với ông **Trần Thanh T1**.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Đoàn Thị Cẩm T** đối với ông **Trần Thanh T1**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 151 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho bà **Đoàn Thị Cẩm T** và ông **Trần Thanh T1** ngày 13/8/2010 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên **Trần Ngọc Thảo V**, sinh ngày 24/9/2012 và **Trần Huy H**, sinh ngày: 06/12/2018 cho ông **Trần Thanh T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà **Đoàn Thị Cẩm T** không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà **T** thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bà **Đoàn Thị Cẩm T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Trần Ngọc Thảo V**, sinh ngày 24/9/2012 và **Trần Huy H**, sinh ngày: 06/12/2018, mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng/02 con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Thảo V** và **H** đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Đoàn Thị Cẩm T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002433 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà **Đoàn Thị Cẩm T** còn phải nộp 300.000 đồng.

Ông **Trần Thanh T1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

